

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 504/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Bảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Thi;

Ông Lê Văn Phú

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Minh Triết – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 588/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 623/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1992

Cư trú: Ấp 2, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu Y, sinh năm 1991

Cư trú: Ấp PT, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang

(Bà T có mặt, ông Y vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Phạm Thị Thanh T trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông Y là tự tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên đồng ý đứng ra tổ chức lễ cưới vào năm 2014, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH. Chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông Y không chăm lo được cho gia đình nên cả hai ly thân từ đó cho đến nay.

*Về con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Huỳnh N, sinh ngày 20/02/2015, hiện do bà T đang nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, đương sự có mặt không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông Nguyễn Hữu Y các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông Y không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà T – ông Y để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Tại biên bản xác minh ngày 12/11/2020 được ông Trương Văn B là trưởng ấp PT, xã PH cho biết: Ông Y hiện nay không có mặt ở địa phương do đi làm ăn xa nhưng hộ khẩu vẫn còn ở ấp PT, chưa thực hiện việc tách chuyển đi nơi khác.

Tại biên bản xác minh ngày 12/11/2020 được bà Cao Thị Nh – mẹ ruột của ông Y cho biết: Sau khi kết hôn ông bà không sống ở PH mà lên Bình Dương làm công nhân, ông Y – bà T thường xuyên xảy ra tranh cãi do kinh tế gia đình chưa ổn định phần lại thêm có con nhỏ, bà T thường hay than phiền về việc ông Y đi làm không đủ chăm lo cho gia đình. Việc ông bà cự cãi rồi ly thân được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không được. Nay bà T xin ly hôn với ông Y bà không có ý kiến, để cả hai tự giải quyết với nhau.

Tại phiên tòa, bà T bảo lưu ý kiến. Riêng ông Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, ghi lời khai, thu thập chứng cứ... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu Y. Đồng thời, ông Y cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Tại phiên tòa, ông Y vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa bà T và ông Y xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH ngày 02/01/2014 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2.1] Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông Y, Hội đồng xét xử xét thấy bà T và ông Y đã không chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay, bản thân bà T và mẹ ruột ông Y là bà Nh thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng nhiều lần được gia đình hai bên hàn gắn nhưng ông bà vẫn không thể tiếp tục chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, ông Y đã được triệu tập để tham gia các phiên hoà giải nhưng vắng mặt, điều này cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa bà T không đồng ý đoàn tụ, giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, các bên đã không thực hiện trọn vẹn nghĩa vụ vợ chồng với nhau nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Huỳnh N, sinh ngày 20/02/2015, lời khai trên phù hợp với bản trích lục

giấy khai sinh số 77 ngày 10/10/2017 của UBND xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An, hiện con chung do bà T nuôi dạy.

Xét yêu cầu về con chung sau khi ly hôn của bà T thì thấy: Từ khi không còn chung sống cho đến nay cháu N được bà T trực tiếp chăm sóc, tình cảm mẹ - con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của con sau này. Do vậy cần tiếp tục giao cháu N cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên bà T không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử công nhận.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng. Ông Y không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh T

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Y.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01 ngày 02/01/2014 của UBND xã PH, huyện An Phú mang tên ông Nguyễn Hữu Y và bà Phạm Thị Thanh T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Phạm Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dạy cháu Nguyễn Phạm Huỳnh N, sinh ngày 20/02/2015, công nhận tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004769 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà T nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**\* Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã PH, AP, AG;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**Nguyễn Quang Bảo**